

Bản án số: 148/2020/HSST

Ngày: 10/9/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Quang Luyết

2. Bà Nguyễn Thị Chung

Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tây Hồ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tây Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 136/2020/HSST ngày 23 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo: Họ và tên: **Bùi Hữu D**, sinh năm: 1976; ĐKNKTT: số 12 ngách 186/1 đường B, phường C, quận Ba Đình, Hà Nội; Trú tại: số 32 ngõ 107 Đ, phường N, quận Ba Đình, Hà Nội; Nghề nghiệp: Công an; Học vấn: Đại học; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Bùi Hữu L (sinh năm 1937); Con bà: Bùi Thị S (sinh năm 1938). Có vợ là Nguyễn Thị Việt H và 02 con (lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2011).

Theo danh chỉ bản số 108 lập ngày 12/02/2020 tại công an quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11/02/2020 - Có mặt tại phiên tòa

Bị hại: Ông Bùi Văn N, sinh năm 1969, trú tại: thôn B, xã H, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương - Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Hữu T1, sinh năm 1972, trú tại số 12 ngách 186/1 đường B, phường C, quận Ba Đình, Hà Nội

- Có mặt tại phiên tòa.

Người tham gia tố tụng khác: Luật sư Lê Văn K – Văn phòng Luật sư X Hà Nội – Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội bào chữa cho bị cáo Bùi Hữu D – Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo bị Viện kiểm sát truy tố về hành vi phạm tội nh- sau:

Ngày 28/2/2019 Bùi Hữu D (sinh năm 1974, HKTT: số 12 ngõ 186 đường B, phường C, Ba Đình, Hà Nội) có đi cùng bạn là anh Cao Xuân T (sinh năm 1974, HKTT: xã C, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương). Anh T và D có vào quán nước của ông Bùi Văn N (sinh năm 1969, HKTT: Hưng Đạo, Chí Linh, Hải Dương) là bạn của Cao Xuân T. D giới thiệu với ông N, D đang công tác tại Cục cảnh sát môi trường – Bộ Công An. Ông N nói chuyện có con trai là Bùi Văn A (sinh năm 1991), đang công tác tại Bộ tư lệnh cảnh sát cơ động có nguyện vọng chuyển công tác về công an tỉnh Hải Dương. D đồng ý nhận lời đề hỏi xin chuyển công tác giúp con trai ông N. Ban đầu, D và ông N thỏa thuận là D xin chuyển công tác cho A còn ông N sẽ tự xin tiếp nhận tại công an tỉnh Hải Dương. Tuy nhiên, sau đó ông N nói với D là nhờ D giúp toàn bộ nơi xin đi và nơi tiếp nhận. D đồng ý. Ông N hỏi D về chi phí để xin chuyển công tác nhưng D không biết. Ông N nói với D có tham khảo một số trường hợp xin chuyển công tác hết khoảng 350.000.000 đồng và gửi D 350.000.000 đồng. D đồng ý.

Ngày 06/3/2019 D yêu cầu ông N chuyển tiền cho D để D đi lo công việc. Ngày 07/3/2019 ông N đi cùng anh T đến đón D tại cơ quan D tại địa chỉ 47 Đ, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội. Sau khi đón được D, cả ba cùng đi ăn tại quán M địa chỉ 447 L, Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội. Sau khi ăn xong thì D, ông N và anh T cùng lên xe ô tô tại trước cửa quán M. Anh T lên ghế trước của xe ô tô ngồi. Tại hàng ghế dưới của xe ông N giao cho D số tiền 350.000.000 đồng. D viết giấy biên nhận cho ông N và hẹn 60 ngày sẽ xử lý xong công việc nếu không được sẽ hoàn trả lại số tiền cho ông N. Lúc này anh T ngồi ghế trước không chứng kiến việc giao tiền. Sau khi D viết xong, đưa giấy biên nhận cho ông N thì ông N có yêu cầu anh T ký làm chứng vào giấy nhận tiền của D nhưng T không ký. Sau khi nhận số tiền trên của ông N. Bản thân D không có chức năng trong việc phân công điều động công tác của cán bộ chiến sĩ trong ngành công an, D cũng không thực hiện các thủ tục được như cam kết với ông N do không xin được việc cho anh A chuyển công tác ông N nhiều lần đòi lại tiền

nhưng D hứa và khất lần không trả lại tiền nên ông N làm đơn gửi đến cơ quan công an.

Tại cơ quan điều tra Công an quận Tây Hồ, Bùi Hữu D đã thừa nhận hành vi như trên. Đối với số tiền 350.000.000 đồng D khai đã sử dụng số tiền trên để phục vụ việc đi lại, ăn uống xin cho con trai ông N nhưng không xin được như cam kết với ông N. D không cung cấp được hóa đơn, chứng từ tài liệu liên quan đến việc trên.

Ngày 29/8/2019 , cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Tây Hồ đã tiến hành trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký trên giấy biên nhận D viết cho ông N mà ông N cung cấp, phòng PC09 Công an thành phố Hà Nội.

Kết luận giám định số 5681/KLGD – PC09 Ngày 06/9/2019 kết luận: Chữ viết phần nội dung trên mẫu cần giám định với chữ viết đứng tên Bùi Hữu D trên các mẫu so sánh là chữ do cùng một người viết ra.

Ngày 03/2/2020 Cục Cảnh sát môi trường Bộ công an có Công văn số 735/QĐ-BCA về việc thi hành kỷ luật đối với Bùi Hữu D bằng hình thức “Tước danh hiệu Công an nhân dân”

Ngày 06/3/2020 Đảng ủy Cục cảnh sát môi trường Bộ công an ra Quyết định số 18 thi hành kỷ luật Đảng viên Bùi Hữu D bằng hình thức khai trừ Đảng.

Quá trình điều tra, đại diện gia đình Bùi Hữu D là chị Nguyễn Thị Thu H (sinh năm 1977, HKTT: số 12 ngách 186/1 đường B, phường C, Ba Đình, Hà Nội) đã tự nguyện đến cơ quan điều tra khắc phục số tiền 20.000.000 đồng để bồi thường cho ông Bùi Văn N. Cơ quan điều tra đã trao trả cho ông N số tiền 20.000.000 đồng, ông N đã nhận số tiền trên và yêu cầu xử lý vụ việc theo quy định của pháp luật và yêu cầu D phải bồi thường số tiền còn lại là 330.000.000 đồng.

Ngày 10/6/2020, đại diện gia đình Bùi Hữu D là anh Bùi Hữu T (sinh năm 1972, số 12 ngách 186/1 đường B, Ba Đình, Hà Nội) đã tự nguyện khắc phục số tiền 80.000.000 đồng cho anh N. Anh N đã đồng ý nhận số tiền trên và không yêu cầu bồi thường dân sự, không có ý kiến thắc mắc gì. Anh N có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho D.

Tại bản cáo trạng số 136/CT-VKSTH-HN ngày 02 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ truy tố Bùi Hữu D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội nh- đã khai tại cơ quan điều tra và xin Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo không tranh luận về tội danh và điều luật truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ban đầu bị cáo không có động cơ mục đích lừa đảo, thành khẩn khai báo, có nhiều thành tích trong quá trình công tác, hậu quả vụ án đã được khắc phục, bị hại không có yêu cầu gì về dân sự đối với bị cáo và đề nghị giảm nhẹ cho bị cáo. Đề nghị áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho mức cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Bị hại – ông Bùi Văn N xác nhận việc bị cáo và gia đình bị cáo đã bồi thường cho ông 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), số tiền còn lại ông cho bị cáo không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nữa vì hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, vợ đã ly hôn và có 2 con nhỏ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Bùi Hữu T khai trả tiền cho ông Bùi Văn N để giúp bị cáo bồi thường khắc phục hậu quả, ông không có yêu cầu gì về dân sự đối với bị cáo. Đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Bùi Hữu D mức án từ 7 năm 6 tháng đến 8 năm 6 tháng tù, không phạt tiền bị cáo. Về dân sự, người bị hại, người liên quan không yêu cầu gì đối với bị cáo nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

[1]. Về các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Tây Hồ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ, Kiểm sát viên: trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với tang vật chứng đã thu giữ, đủ cơ sở kết luận: Bùi Hữu D không có chức năng

điều động phân công công tác của cán bộ chiến sĩ trong ngành Công an nhưng vẫn hứa hẹn và nhận số tiền 350.000.000đ của ông Bùi Văn N để xin chuyển công tác cho anh Bùi Văn A (con ông N), D sử dụng tiền ông N đưa chi tiêu hết nhưng không giải thích được đã chi tiêu vào việc gì, thực tế bị cáo không thực hiện được việc xin chuyển công tác cho anh Bùi Văn A. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[3]. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo phạm tội lần đầu, khai báo tại phiên tòa thành khẩn, quá trình công tác được thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, nhì, ba; Sau khi phạm tội ra đầu thú, bị cáo và gia đình đã khắc phục một phần hậu quả vụ án, số tiền còn lại bị hại tuyên bố cho bị cáo và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Bị cáo chiếm đoạt của bị hại số tiền lớn nên không áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Quan điểm của Luật sư về việc áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4]. Trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý nên căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo cần xử phạt tù giam nghiêm khắc để đảm bảo tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi lượng hình cũng xem xét các tình tiết giảm nhẹ để giảm cho bị cáo một phần hình phạt theo quy định của pháp luật.

[4]. Về dân sự: Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì về dân sự đối với bị cáo nên Tòa án không xem xét.

Từ phân tích, nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Bùi Hữu D phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

□p dụng: điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 277, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: **Bùì Hữu D 07(bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.** Thời hạn tù tính từ ngày 11/02/2020.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Tây Hồ;
- Bị cáo; Các đương sự khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thu Huyền